

ẢNH HƯỞNG CỦA BẢN SẮC CÁ NHÂN ĐẾN ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Bùi Minh Đức¹, Nguyễn Thị Anh Thư², Nguyễn Xuân Quỳnh³, Hoàng Thị Thảo⁴

¹Khoa Tâm lý học quân sự, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng; ²Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; ³Trường Hanoi Adelaide School; ⁴Trung tâm Phát triển Khoa học công nghệ và Tài năng trẻ.

TÓM TẮT

Giai đoạn vị thành niên đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển cá nhân, đặc biệt với hai nhiệm vụ trọng tâm là hình thành bản sắc cá nhân và định hướng tương lai. Nhận thức được sự cần thiết của việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng tương lai, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát tác động của bản sắc cá nhân đến định hướng tương lai ở học sinh trung học phổ thông. Nghiên cứu được tiến hành trên 260 học sinh lớp THPT (lớp 11 và 12), trong đó nam chiếm 34,2%, nữ chiếm 63,1% và giới tính khác chiếm 2,7%. Thời gian khảo sát từ tháng 1/2024 đến tháng 4/2024. Dữ liệu được thu thập bằng thang đo Bản sắc của Rosenthal và cộng sự (1981) và Bảng câu hỏi Định hướng tương lai của Seginer (2009), bao gồm ba khía cạnh: định hướng sự nghiệp/nghề nghiệp, định hướng học vấn và định hướng hôn nhân và gia đình. Kết quả phân tích cho thấy bản sắc cá nhân có mối tương quan thuận chiều, có ý nghĩa thống kê với định hướng sự nghiệp và định hướng học vấn. Đồng thời, giữa định hướng sự nghiệp và định hướng học vấn cũng có mối tương quan thuận có ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên, không tìm thấy mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa bản sắc cá nhân và định hướng hôn nhân và gia đình. Phân tích hồi quy xác nhận rằng bản sắc cá nhân có tác động tích cực, thúc đẩy định hướng tương lai ở các khía cạnh sự nghiệp và học vấn.

Từ khóa: Bản sắc; Định hướng tương lai; Học sinh trung học phổ thông.

Ngày nhận bài: 28/5/2025; Ngày duyệt đăng bài: 25/8/2025.

1. Đặt vấn đề

Tuổi vị thành niên, đặc biệt là giai đoạn trung học phổ thông, là một thời kỳ quan trọng trong tiến trình phát triển cá nhân. Trong giai đoạn này, thanh thiếu niên đối mặt với hai nhiệm vụ phát triển mang tính bản lề: hình thành bản sắc cá nhân và định hướng tương lai. Theo Erikson (1968) và Meeus (2011), vị thành niên là thời điểm cá nhân phải giải quyết thành công “khủng hoảng bản sắc”, liên quan đến việc xác định bản thân là ai, thuộc về đâu và mong muốn trở thành người như thế nào. Đồng thời, các em cũng bắt đầu chuẩn bị cho vai trò của người lớn thông qua việc lên kế hoạch và đưa ra các quyết định liên quan đến

nghề nghiệp, học tập và cuộc sống. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng khái niệm về bản sắc của Erikson (1968), bản sắc là một ý thức tổng thể của cá nhân về bản thân là ai, hiện tại và trong tương lai cũng như cách cá nhân hòa nhập với môi trường xã hội của họ.

Định hướng tương lai được hiểu là quá trình hình dung, đánh giá và chuẩn bị cho những mục tiêu dài hạn trong cuộc sống. Quá trình này không chỉ phản ánh khả năng lập kế hoạch mà còn thể hiện mức độ nhận thức về bản thân và giá trị cá nhân (Trommsdorff, 1983; Nurmi, 1991; Seginer, 2009). Một định hướng tương lai rõ ràng có thể góp phần nâng cao trạng thái tâm lý tích cực, thúc đẩy động lực học tập, tăng cường năng lực ra quyết định và mang lại kết quả tích cực hơn trong cuộc sống (Johnson và cộng sự, 2014). Định hướng tương lai thường được nhìn nhận ở ba chiều cạnh: *Định hướng nghề nghiệp* đề cập đến quá trình suy nghĩ có mục tiêu về tương lai trong lĩnh vực công việc, nghề nghiệp và chuyên môn; bao gồm việc đánh giá các hành động cụ thể nhằm giúp cá nhân tiến gần hơn đến việc hiện thực hóa kế hoạch nghề nghiệp của mình. Tầm nhìn nghề nghiệp thể hiện khả năng hình dung rõ ràng và chi tiết về những gì cá nhân mong muốn đạt được trong tương lai nghề nghiệp. *Định hướng học vấn* phản ánh việc đặt ra các mục tiêu học tập, suy nghĩ về con đường nghề nghiệp tương lai và nhận thức được mối liên hệ giữa nỗ lực hiện tại với kết quả trong tương lai. *Định hướng hôn nhân và gia đình* được hiểu là quá trình suy nghĩ, lập kế hoạch và đưa ra các hành động hướng đến việc xây dựng một cuộc sống tình cảm và gia đình hài hòa (Seginer, 2009).

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra bản sắc cá nhân đóng vai trò then chốt trong việc định hình định hướng tương lai của thanh thiếu niên. Cụ thể, những học sinh có bản sắc rõ ràng và ổn định thường thể hiện khả năng xác lập mục tiêu, đưa ra quyết định và lập kế hoạch hiệu quả hơn, từ đó xây dựng được lộ trình tương lai nhất quán và có ý nghĩa (Schwartz và cộng sự, 2013). Ngược lại, khi bản sắc cá nhân chưa được hình thành đầy đủ, các lựa chọn liên quan đến tương lai có xu hướng mơ hồ, thiếu định hướng hoặc dễ bị chi phối bởi hoàn cảnh và tác động bên ngoài (Foote, 1951). Việc thiếu phát triển bản sắc cá nhân đầy đủ còn có thể dẫn đến nhiều hệ quả tiêu cực, bao gồm nhận thức mơ hồ về bản thân hiện tại và tương lai, lòng tự trọng thấp (Chen, 2023), cùng cảm giác tự nghi ngờ và khủng hoảng bản sắc cá nhân (Han, 2018; Wang, 2019).

Mặc dù mối quan hệ giữa bản sắc cá nhân và định hướng tương lai đã được đề cập trong một số nghiên cứu trước đây (Schwartz và cộng sự, 2013; Chen, 2023; Qiu và cộng sự, 2025) nhưng phần lớn các nghiên cứu này tập trung vào đối tượng thanh thiếu niên trong bối cảnh văn hóa phương Tây hoặc sinh viên đại học, trong khi học sinh trung học phổ thông - nhóm đang ở giai đoạn bản lề của sự phát triển bản sắc và lập kế hoạch tương lai - lại chưa được chú trọng đầy đủ, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục và văn hóa tại Việt Nam.

Ngoài ra, nhiều nghiên cứu hiện tại mới chỉ tiếp cận định hướng tương lai như một khái niệm chung chung, mà chưa đi sâu phân tích từng chiều cạnh cụ thể như định hướng nghề nghiệp, định hướng học vấn và định hướng hôn nhân - gia đình, vốn có ý nghĩa thực tiễn cao trong bối cảnh học sinh phải đưa ra các quyết định quan trọng về lựa chọn ngành học, nghề nghiệp và lối sống tương lai ngay từ bậc phổ thông.

Hơn nữa, trong bối cảnh giáo dục hiện đại tại Việt Nam, khi việc hướng nghiệp, tham vấn học đường và phát triển kỹ năng sống đang được đẩy mạnh, việc hiểu rõ hơn về vai trò của bản sắc cá nhân đối với định hướng tương lai sẽ góp phần thiết thực vào việc xây dựng các chương trình hỗ trợ học sinh hiệu quả hơn. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm bổ sung khoảng trống đó bằng cách khảo sát mối quan hệ giữa bản sắc cá nhân và định hướng tương lai của học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh văn hóa - xã hội Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp cái nhìn sâu sắc về mối quan hệ này, từ đó làm cơ sở cho các chương trình giáo dục và tham vấn tâm lý, hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện.

2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Trước khi tiến hành thu thập dữ liệu, chúng tôi đã xin phép và nhận được sự đồng ý từ Ban Giám hiệu nhà trường cũng như giáo viên chủ nhiệm các lớp liên quan. Học sinh được tham gia khảo sát trên tinh thần tự nguyện, sau khi được cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích nghiên cứu, quyền từ chối tham gia bất kỳ lúc nào và cam kết bảo mật thông tin cá nhân. Mỗi học sinh đều ký vào bản đồng thuận tham gia nghiên cứu trước khi thực hiện khảo sát.

Bảng 1: Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu

	Đặc điểm	Tần số (n)	Phần trăm (%)
1. Giới tính	Nam	89	34,2
	Nữ	164	63,1
	Khác	7	2,7
2. Tuổi <i>Mean (SD)</i>		16 - 19 17,47 (0,56)	
3. Lớp học	Lớp 11	131	50,4
	Lớp 12	129	49,6
4. Nơi sinh sống	Hà Nội	163	62,7
	Vĩnh Phúc	97	37,3

Mẫu nghiên cứu bao gồm 260 học sinh THPT với một số đặc điểm nhân khẩu học như sau: Về giới tính, có 34,2% là nam, 63,1% là nữ và 2,7% thuộc nhóm giới tính khác. Độ tuổi trung bình của nhóm là 17,47, với 50,4% học sinh lớp 11 và 49,6% học sinh lớp 12.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu đều là thang đo do các tác giả nước ngoài xây dựng. Cụ thể, thang đo bản sắc cá nhân do Rosenthal và cộng sự phát triển (1981) là công cụ đã được công bố rộng rãi, xuất hiện trong nhiều nguồn tài liệu mở và đã được sử dụng trong các nghiên cứu trước đây. Do đó, chúng tôi không liên hệ trực tiếp với tác giả để xin phép sử dụng. Trong khi đó, thang đo định hướng tương lai của Seginer (2009) đã được chúng tôi liên hệ trực tiếp với tác giả và nhận được sự đồng ý chính thức cho việc sử dụng vào mục đích nghiên cứu.

Tất cả các thang đo đều được tiến hành dịch thuật theo quy trình chuẩn. Đầu tiên, các thang đo được dịch xuôi từ tiếng Anh sang tiếng Việt bởi các chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực tâm lý học và trình độ tiếng Anh học thuật cao. Sau đó, bản dịch được kiểm tra và hiệu chỉnh bởi một chuyên gia độc lập khác nhằm đảm bảo tính chính xác và phù hợp ngữ cảnh văn hóa. Để đánh giá mức độ dễ hiểu và thời gian hoàn thành bảng hỏi, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thử nghiệm trên 10 học sinh trung học phổ thông. Kết quả cho thấy các học sinh đều hiểu rõ nội dung câu hỏi và có thể hoàn thành bảng hỏi trong thời gian hợp lý.

Bản sắc cá nhân: được đánh giá bằng thang đo bản sắc do Rosenthal và cộng sự xây dựng (1981), vốn là một tiểu thang thuộc Thang đo kiểm kê tâm lý xã hội Erikson (Erikson Psychosocial Inventory Scale - EPSI), được phát triển dựa trên lý thuyết các giai đoạn phát triển tâm lý xã hội của Erikson (1968). EPSI bao gồm sáu thang phụ tương ứng với sáu giai đoạn đầu tiên trong lý thuyết của Erikson, mỗi thang phụ gồm 12 mục, trong đó một nửa phản ánh việc giải quyết thành công và một nửa phản ánh việc giải quyết không thành công nhiệm vụ phát triển của từng giai đoạn. Các mục được trình bày theo định dạng bảng hỏi và sắp xếp ngẫu nhiên, phù hợp để sử dụng cho đối tượng từ 13 tuổi trở lên, trong khảo sát cá nhân hoặc nhóm. Trong nghiên cứu này, tiểu thang đo bản sắc gồm 12 mục, được thiết kế theo thang đo Likert 5 điểm, với mức điểm từ 1 (“Hầu như không bao giờ đúng”) đến 5 (“Hầu như luôn luôn đúng”). Ví dụ về các phát biểu trong thang đo là: “Tôi nhìn nhận rõ ràng những điều quan trọng trong cuộc sống mình”, “Tôi thích bản thân mình và tự hào về những gì tôi đại diện”. Trong đó có 06 mục được đảo điểm nhằm kiểm soát xu hướng trả lời thiên lệch của người tham gia. Kết quả kiểm định sơ bộ cho thấy hệ số tin cậy Alpha của Cronbach đạt 0,75, hệ số tương quan item - tổng thể từ 0,31 đến 0,52, cho thấy thang đo đạt độ tin cậy chấp nhận được trong bối cảnh nghiên cứu.

Định hướng tương lai: bảng câu hỏi Định hướng tương lai do Seginer (2009) xây dựng nhằm đánh giá mức độ định hướng tương lai của cá nhân trên ba khía cạnh: định hướng sự nghiệp (11 mục), định hướng hôn nhân và gia đình (9 mục) và định hướng học vấn (12 mục), với tổng số 32 mục. Mỗi mục được đánh giá trên thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 (mức độ thấp nhất) đến 5 (mức độ cao nhất). Điểm số càng cao cho thấy mức độ định hướng tương lai càng rõ ràng trong từng lĩnh vực. Độ tin cậy của bảng câu hỏi được kiểm định thông qua hệ số Alpha của Cronbach cho từng khía cạnh, cho thấy mức độ nhất quán nội tại cao. Cụ thể: Khía cạnh định hướng sự nghiệp có hệ số Alpha của Cronbach là 0,86, với hệ số tương quan giữa các mục và tổng thể dao động từ 0,32 đến 0,57. Khía cạnh định hướng hôn nhân và gia đình có hệ số Alpha của Cronbach là 0,91, với hệ số tương quan từ 0,30 đến 0,68. Khía cạnh định hướng học vấn có hệ số Alpha của Cronbach là 0,89, với hệ số tương quan từ 0,35 đến 0,62. Những kết quả này cho thấy bảng câu hỏi có độ tin cậy cao và các mục trong từng khía cạnh đều có tương quan chặt chẽ với tổng điểm, phù hợp để sử dụng trong nghiên cứu.

2.3. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 23.0. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã tiến hành thống kê mô tả, phân tích tương quan và hồi quy đơn biến.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Thực trạng chung về định hướng tương lai và bản sắc của học sinh trung học phổ thông

Bảng 2: Thực trạng đánh giá của học sinh trung học phổ thông về định hướng tương lai và bản sắc

	M	SD	Min	Max
Định hướng tương lai Sự nghiệp	3,53	0,41	2,58	4,50
Định hướng tương lai Hôn nhân và Gia đình	3,10	0,58	1,52	4,45
Định hướng tương lai Học vấn	3,69	0,45	2,50	4,65
Bản sắc	3,46	0,59	1,17	4,83

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, trong ba khía cạnh của định hướng tương lai, định hướng học vấn có giá trị trung bình cao nhất ($M = 3,69$). Điều này phản ánh nhận thức tích cực và sự ưu tiên cao của học sinh về tầm quan trọng của học tập trong cuộc sống. Các em xem học vấn là tiền đề quan trọng để phát triển bản thân và định hình sự nghiệp tương lai.

Ở lứa tuổi 16 - 18, một giai đoạn bản lề chuẩn bị cho những lựa chọn quan trọng trong cuộc đời, học vẫn được học sinh trung học phổ thông đánh giá là yếu tố then chốt nhất trong việc xác lập con đường tương lai. Quan điểm này được củng cố bởi các nghiên cứu trước đây. Schneider và Stevenson (2000) nhấn mạnh rằng học vẫn đóng vai trò nền tảng trong việc định hình tương lai cá nhân, không chỉ tạo điều kiện cho cơ hội nghề nghiệp mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển giá trị bản thân và khả năng hội nhập xã hội. Tương tự, Brown và Hesketh (2004) chỉ ra rằng trong bối cảnh kinh tế tri thức hiện đại, học vẫn không chỉ là yếu tố quyết định thành công nghề nghiệp mà còn là điều kiện tiên quyết để thích nghi và phát triển trong môi trường xã hội đa dạng. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng học sinh trung học phổ thông thường nhận thức rõ ràng mối quan hệ chặt chẽ giữa học vẫn và triển vọng nghề nghiệp, từ đó có xu hướng đầu tư nghiêm túc vào việc học tập nhằm nâng cao cơ hội phát triển bản thân và tương lai.

Về định hướng sự nghiệp, kết quả cho thấy, giá trị trung bình ở mức khá cao ($M = 3,53$), phản ánh học sinh đã có sự quan tâm và chuẩn bị nhất định cho sự nghiệp tương lai. Điều này phản ánh mức độ ảnh hưởng đáng kể của yếu tố nghề nghiệp đối với định hướng tương lai của học sinh, đồng thời cho thấy các em đang bắt đầu xác lập mục tiêu và lên kế hoạch cho con đường phát triển nghề nghiệp của bản thân.

Định hướng hôn nhân và gia đình có điểm trung bình thấp nhất ($M = 3,10$), có thể được giải thích là do học sinh ở lứa tuổi này ưu tiên cho việc học tập và xây dựng nền tảng sự nghiệp hơn là tập trung vào việc hình thành gia đình. Các em có thể chưa xác định rõ ràng mục tiêu liên quan đến đời sống gia đình hoặc đang chịu tác động của các yếu tố như áp lực xã hội, kỳ vọng cá nhân, hoặc sự thay đổi trong quan điểm về giá trị hôn nhân trong bối cảnh xã hội hiện đại. Những thay đổi về phong cách sống, hệ giá trị cá nhân và sự ưu tiên cho phát triển cá nhân có thể là nguyên nhân khiến định hướng hôn nhân và gia đình chưa được học sinh quan tâm sâu sắc ở giai đoạn hiện tại.

Về bản sắc cá nhân, kết quả nghiên cứu cho thấy điểm trung bình của học sinh trung học phổ thông đạt $M = 3,46$ trên thang 5 điểm, phản ánh rằng phần lớn các em đã có nhận thức tương đối rõ ràng về bản sắc. Phát hiện này phù hợp với quan điểm kinh điển của Erikson (1968), rằng vị thành niên là giai đoạn trọng tâm trong tiến trình hình thành bản sắc. Theo Marcia (1993), sự khác biệt về mức độ rõ ràng bản sắc giữa các cá nhân phản ánh các trạng thái bản sắc khác nhau (identity statuses), từ mơ hồ đến ổn định. Do đó, mức điểm 3,46 không chỉ cho thấy nhiều học sinh đã xác định được định hướng và giá trị cốt lõi, mà còn hàm ý rằng vẫn tồn tại một bộ phận đang ở giai đoạn khám phá hoặc còn dao động về bản sắc. Các nghiên cứu sau này cũng khẳng định rằng bản sắc ở tuổi vị thành niên vừa có tính tích cực vừa chưa thực sự ổn định. Kroger (2007) và Schwartz (2001) cho rằng bản sắc là một quá trình phát triển động, thay đổi dưới tác động của trải nghiệm và môi trường sống. Đáng chú ý, nghiên cứu gần đây tại Nhật

Bản cho thấy học sinh có bản sắc hợp nhất, rõ ràng (identity synthesis) thường thích nghi thuận lợi hơn khi bước sang bậc học cao hơn hoặc tham gia lao động, với ít khó khăn trong việc thích nghi với môi trường mới và ít nguy cơ kiệt sức trong học tập hay công việc; ngược lại, những em ở trạng thái bản sắc mơ hồ (identity confusion) lại dễ gặp áp lực và khó khăn khi bước vào giai đoạn trưởng thành (Sugimura và cộng sự, 2023). Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu tại châu Âu cũng cho thấy quỹ đạo phát triển bản sắc rất đa dạng: một số học sinh tiến nhanh tới giai đoạn giải quyết khủng hoảng bản sắc, trong khi những em khác vẫn kéo dài quá trình khám phá (Ceccon và cộng sự, 2024).

3.2. Ảnh hưởng của bản sắc cá nhân đến định hướng tương lai của học sinh trung học phổ thông

Phân tích tương quan giữa các biến số trong nghiên cứu cho thấy những mối quan hệ rõ ràng và có ý nghĩa thống kê giữa bản sắc cá nhân và định hướng tương lai của học sinh trung học phổ thông.

Bảng 3: Tương quan giữa bản sắc cá nhân và các khía cạnh của định hướng tương lai

	Định hướng Sự nghiệp	Định hướng Hôn nhân và gia đình	Định hướng Học vấn	Bản sắc
Định hướng Sự nghiệp	-			
Định hướng Hôn nhân và gia đình	0,32**	-		
Định hướng Học vấn	0,77**	0,31**	-	
Bản sắc cá nhân	0,44**	0,05	0,37**	-

Ghi chú: **: $p < 0,01$.

Trước hết, kết quả cho thấy mối tương quan rất mạnh giữa định hướng sự nghiệp và định hướng học vấn ($r = 0,77$; $p < 0,01$), cho thấy rằng những học sinh có định hướng rõ ràng về nghề nghiệp cũng thường chú trọng đến việc học tập. Điều này là hợp lý trong thực tế bối cảnh ở Việt Nam, khi học sinh thường nhìn nhận học vấn là con đường chính để đạt được một nghề nghiệp và sự nghiệp mong muốn. Mối quan hệ chặt chẽ này cho thấy định hướng học vấn và sự nghiệp thường song hành, tạo thành một lộ trình phát triển liền mạch cho học sinh.

Kết quả kiểm định cũng chỉ ra rằng bản sắc cá nhân có mối tương quan thuận có ý nghĩa thống kê với định hướng sự nghiệp ($r = 0,44$; $p < 0,01$) và định hướng học vấn ($r = 0,37$; $p < 0,01$). Điều này cho thấy rằng những học sinh có bản sắc cá nhân rõ ràng thường có xu hướng thể hiện định hướng tương lai cụ thể hơn, cả về phương diện học tập lẫn nghề nghiệp. Phát hiện này củng cố lập luận

cho rằng bản sắc cá nhân đóng vai trò như một nền tảng nội tại giúp học sinh xác lập, duy trì và theo đuổi các mục tiêu dài hạn.

Kết quả trên tương đồng với các nghiên cứu trước đây. Kerpelman và Mosher (2004) cho rằng định hướng tương lai, đặc biệt trong các lĩnh vực học vấn và nghề nghiệp, là yếu tố trung tâm góp phần hình thành bản sắc cá nhân ở tuổi vị thành niên. Savickas và Porfeli (2012) cũng nhấn mạnh rằng nhận thức về tương lai giúp cá nhân xác định mục tiêu, từ đó góp phần vào sự phát triển bản sắc. Tương tự, nghiên cứu của Zhang và Howell (2011) đã chỉ ra, những thanh thiếu niên có định hướng tương lai rõ ràng thường có khả năng lập kế hoạch tốt hơn, vượt qua trở ngại hiệu quả hơn và phát triển bản sắc cá nhân vững chắc hơn.

Ngược lại, không tìm thấy mối tương quan có ý nghĩa thống kê giữa bản sắc cá nhân và định hướng hôn nhân, gia đình ($r = 0,05$; $p > 0,05$). Kết quả này cho thấy, trong phạm vi nghiên cứu hiện tại, bản sắc cá nhân không có mối liên hệ đáng kể với định hướng hôn nhân, gia đình ở học sinh trung học phổ thông. Điều này gợi ý rằng, mặc dù gia đình có vai trò quan trọng trong việc định hình quan điểm và giá trị sống, song mối quan hệ này chưa được phản ánh rõ ràng thông qua sự gắn kết giữa bản sắc cá nhân và định hướng hôn nhân, gia đình trong nhóm đối tượng nghiên cứu.

Phân tích dữ liệu thống kê hồi quy tuyến tính với biến tác động là bản sắc cá nhân và biến phụ thuộc là các loại định hướng sự nghiệp và định hướng học vấn cho kết quả hệ số VIF < 2 , Tolerance $> 0,2$ và Durbin-Watson trong khoảng $[1,5; 2,5]$ nên đảm bảo số liệu không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến và hiện tượng tự tương quan (bảng 4).

Bảng 4: Ảnh hưởng của Bản sắc cá nhân đến Định hướng Tương lai

Biến số độc lập	Biến số phụ thuộc	R^2	ΔR^2	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	t	p	Collinearity (Kiểm định đa cộng tuyến)	
				B	Se	Beta			Tolerance	VIF
Bản sắc	Định hướng sự nghiệp	0,191	0,187	0,31	0,04	0,44	6,27	$< 0,01$	1,00	1,00
	Định hướng học vấn	0,138	0,134	0,28	0,04	0,37	5,61	$< 0,01$	1,00	1,00

Ghi chú: R^2 : Hệ số xác định; ΔR^2 : Hệ số xác định đã hiệu chỉnh; Se (Standard erros): Sai số chuẩn; Tolerance: Mức độ chấp nhận; VIF (Variance inflation factor): Hệ số phóng đại phương sai.

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy bản sắc cá nhân có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến định hướng sự nghiệp của học sinh trung học phổ thông, với mức ý nghĩa $p < 0,01$. Mô hình hồi quy giải thích được 18,7% sự biến

thiên của định hướng sự nghiệp. Điều này cho thấy, khi bản sắc cá nhân được hình thành rõ ràng và vững chắc, học sinh sẽ có xu hướng phát triển định hướng nghề nghiệp cụ thể và tích cực hơn. Kết quả này nhấn mạnh vai trò quan trọng của bản sắc cá nhân trong việc định hình mục tiêu và kế hoạch nghề nghiệp ở lứa tuổi vị thành niên.

Tương tự, bản sắc cá nhân cũng có khả năng dự báo 13,4% sự biến thiên của định hướng học vấn ($p < 0,01$), với tác động thuận chiều rõ rệt. Điều này chứng tỏ bản sắc không chỉ ảnh hưởng đến các quyết định liên quan đến nghề nghiệp mà còn tác động đến thái độ và kế hoạch học tập của học sinh.

Như vậy, học vấn và sự nghiệp được xem là hai lĩnh vực trọng tâm trong sự phát triển bản sắc cá nhân ở thanh thiếu niên. Hai lĩnh vực này liên quan mật thiết đến các quyết định dài hạn, mục tiêu sống và cách mỗi cá nhân tự định vị mình trong xã hội. Ở lứa tuổi trung học phổ thông, học sinh thường dành phần lớn thời gian và sự quan tâm để hoạch định con đường học tập và nghề nghiệp tương lai. Chính quá trình này đã thúc đẩy các em đi sâu hơn vào việc khám phá và phát triển ý thức về bản thân một cách rõ nét.

Kết quả phân tích hồi quy này củng cố mạnh mẽ các phát hiện từ phân tích tương quan và hoàn toàn phù hợp với các lý thuyết phát triển tâm lý. Theo Erikson (1968), việc đạt được một bản sắc rõ ràng là nền tảng thiết yếu cho các quyết định phát triển tiếp theo trong đời, bao gồm cả việc lựa chọn nghề nghiệp và con đường học vấn. Một cá nhân với bản sắc cá nhân mạnh mẽ sẽ có sự tự tin và định hướng rõ ràng hơn trong việc theo đuổi các mục tiêu liên quan đến sự nghiệp và học vấn. Điều này nhất quán với nghiên cứu của Luyckx và cộng sự (2006) về mối liên hệ giữa các quá trình bản sắc và định hướng tương lai.

Ở giai đoạn này, học sinh thường tập trung nhiều hơn vào các khía cạnh học vấn và nghề nghiệp thay vì định hướng hôn nhân và gia đình. Các mục tiêu liên quan đến gia đình, như lập gia đình hay nuôi dạy con cái, thường được xem là vấn đề của giai đoạn trưởng thành sau này, không phải là trọng tâm trong quá trình xây dựng bản sắc ở tuổi vị thành niên. Nghiên cứu của Arnett (2000) về giai đoạn “trưởng thành trẻ tuổi” (emerging adulthood) cũng cho thấy các mối quan hệ gia đình thường trở nên quan trọng hơn sau khi cá nhân đã ổn định về học vấn và nghề nghiệp.

Theo thuyết phát triển bản sắc của Erikson, vị thành niên chủ yếu tập trung vào việc trả lời các câu hỏi “Tôi là ai?” và “Tôi sẽ trở thành ai?”, do đó họ ưu tiên phát triển những khía cạnh giúp xây dựng hình ảnh bản thân trong tương lai như học vấn và nghề nghiệp, hơn là các vấn đề gia đình vốn mang tính dài hạn hơn. Nghiên cứu của Meeus và cộng sự (2010) cũng nhấn mạnh rằng trong giai đoạn này, các quyết định liên quan đến sự nghiệp và học vấn mang tính cá nhân cao hơn, góp phần thúc đẩy sự phát triển bản sắc cá nhân so với các khía cạnh xã hội như gia đình.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ thực trạng và vai trò của bản sắc cá nhân trong việc định hướng tương lai của học sinh trung học phổ thông. Kết quả cho thấy học sinh có nhận thức tích cực về học vấn và sự nghiệp như hai khía cạnh trọng yếu trong định hướng tương lai, trong khi định hướng hôn nhân và gia đình được quan tâm ở mức độ thấp hơn. Bản sắc cá nhân ở mức độ khá rõ nét, đóng vai trò nền tảng quan trọng trong việc giúp học sinh xác định và theo đuổi các mục tiêu về học tập và nghề nghiệp.

Phân tích tương quan và hồi quy cho thấy bản sắc cá nhân có ảnh hưởng thuận chiều và có ý nghĩa thống kê đến định hướng sự nghiệp và định hướng học vấn, đồng thời giải thích được tỷ lệ biến thiên tương đối cao cho hai khía cạnh này. Điều này khẳng định bản sắc cá nhân là yếu tố then chốt, thúc đẩy học sinh phát triển mục tiêu và kế hoạch rõ ràng hơn trong con đường học tập và nghề nghiệp tương lai.

Nghiên cứu không tìm thấy mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa bản sắc cá nhân và định hướng hôn nhân và gia đình. Phát hiện này nhất quán với các lý thuyết phát triển, cho thấy định hướng hôn nhân và gia đình thường phát triển rõ rệt hơn ở các giai đoạn sau của cuộc đời.

Những phát hiện này phù hợp với lý thuyết phát triển bản sắc và các nghiên cứu trước đây, cho thấy vị thành niên là thời điểm quan trọng để cá nhân khám phá và xây dựng bản sắc thông qua việc xác định giá trị, sở thích và mục tiêu trong học tập và nghề nghiệp. Bản sắc cá nhân không chỉ phản ánh nhận thức về chính mình mà còn đóng vai trò là nền tảng nội tại thúc đẩy sự phát triển tương lai bền vững của học sinh.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể làm cơ sở khoa học cho các chương trình giáo dục và tham vấn tâm lý nhằm hỗ trợ học sinh xây dựng và củng cố bản sắc cá nhân, đặc biệt tập trung vào khía cạnh học vấn và nghề nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả định hướng tương lai và phát triển toàn diện ở học sinh trung học phổ thông. Đồng thời, nghiên cứu cũng mở ra nhiều hướng phát triển trong tương lai như so sánh sự khác biệt về bản sắc cá nhân và định hướng tương lai giữa các nền văn hóa khác nhau.

Mặc dù đạt được một số kết quả có ý nghĩa, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế như: Thứ nhất, mẫu nghiên cứu chưa có tính đại diện cao, chủ yếu tập trung tại một số trường THPT nên chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt về vùng miền, hoàn cảnh kinh tế - xã hội hoặc môi trường học tập. Thứ hai, phương pháp thu thập dữ liệu chủ yếu dựa vào bảng hỏi tự báo cáo, dễ bị ảnh hưởng bởi thiên kiến xã hội và nhận thức chủ quan của người trả lời. Thứ ba, nghiên cứu chưa xem xét đến vai trò của các biến trung gian hoặc điều tiết như sự hỗ trợ xã hội (cha mẹ, bạn bè...), lòng tự trọng... trong mối quan hệ giữa bản sắc và định hướng tương lai. Cuối cùng, nghiên cứu mới tập trung vào phương pháp định

lượng, trong khi các yếu tố liên quan đến bản sắc và định hướng tương lai có thể được khai thác sâu sắc hơn thông qua cách tiếp cận định tính.

Trên cơ sở những hạn chế nêu trên, các nghiên cứu trong thời gian tới có thể tập trung vào các hướng sau: Mở rộng phạm vi và quy mô mẫu nghiên cứu để tăng tính khái quát, đồng thời so sánh sự khác biệt giữa các nhóm học sinh theo vùng miền, giới tính. Kết hợp phương pháp định tính như phỏng vấn sâu, câu hỏi mở nhằm khai thác các yếu tố trải nghiệm cá nhân, giá trị sống và niềm tin của học sinh liên quan đến bản sắc và định hướng tương lai. Xem xét đến vai trò của các biến trung gian và biến điều tiết trong mối quan hệ giữa bản sắc cá nhân và định hướng tương lai.

Chú thích:

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 501.01 2021.13.

Tài liệu tham khảo

1. Arnett, J. J. (2000). Emerging adulthood: A theory of development from the late teens through the twenties. *American Psychologist*, 55(5), 469-483.
2. Brown, P., & Hesketh, A. (2004). *The mismanagement of talent: Employability and jobs in the knowledge economy*. Oxford University Press.
3. Chen, Y. (2023). *Identity crisis and self-esteem among adolescents: The mediating role of self-efficacy*. [Unpublished master's thesis]. University of California.
4. Ceccon, C., Moscardino, U., & Umaña-Taylor, A. J. (2024). Longitudinal profiles of cultural identity processes and associations with psychosocial outcomes among adolescents. *Journal of Youth and Adolescence*, 53(4), 845-861. <https://doi.org/10.1007/s10964-024-02022-6>.
5. Erikson, E. H. (1968). *Identity: Youth and crisis*. W. W. Norton.
6. Foote, N. N. (1951). Identification as the basis for a theory of motivation. *American Sociological Review*, 16(1), 14-21.
7. Han, S. (2018). *Identity development and psychological well-being in emerging adulthood*. [Doctoral dissertation, University of Wisconsin-Madison].
8. Johnson, S. R. L., Blum, R. W., & Cheng, T. L. (2014). Future orientation: A construct with implications for adolescent health and wellbeing. *International Journal of Adolescent Medicine and Health*, 26(4), 459-468. <https://doi.org/10.1515/ijamh-2013-0333>.
9. Kerpelman, J. L., & Mosher, L. S. (2004). Rural African American adolescents' future orientation: The importance of self-efficacy, control and responsibility, and identity development. *Identity*, 4(2), 187-208. https://doi.org/10.1207/s1532706xid0402_5.
10. Kroger, J. (2006). *Identity development: Adolescence through adulthood*. Sage publications.
11. Luyckx, K., Goossens, L., & Soenens, B. (2006). A developmental contextual perspective on identity construction in emerging adulthood: Change dynamics in commitment formation and commitment evaluation. *Developmental Psychology*, 42(2), 366-380. <https://doi.org/10.1037/0012-1649.42.2.366>.

12. Marcia, J. E. (1980). Identity in adolescence. *Handbook of adolescent psychology*, 9(11), 159-187.
13. Marcia, J. E. (1993). The ego identity status approach to ego identity. In: *Ego Identity*. Springer, New York, NY. https://doi.org/10.1007/978-1-4613-8330-7_1.
14. Meeus, W. (2011). The study of adolescent identity development: 25 years of longitudinal research. *Journal of Research on Adolescence*, 21(1), 94-108.
15. Meeus, W., van de Schoot, R., Keijsers, L., & Branje, S. (2010). Developmental changes in identity status and their relationship with adjustment: A meta-analysis. *Journal of Youth and Adolescence*, 39(7), 1011-1026.
16. Nurmi, J. E. (1991). The development of future-oriented goals, commitments, and appraisals: An analysis of typical and atypical adolescence. *International Journal of Behavioral Development*, 14(3), 273-285.
17. Qiu, Y., Wang, L., & Zhang, J. (2025). *The mediating role of self-regulation in the relationship between identity crisis and future orientation*. [Unpublished manuscript].
18. Rosenthal, D. A., Gurney, R., & Moore, S. M. (1981). From trust to intimacy: A new identity scale for adolescents. *Journal of Youth and Adolescence*, 10(6), 525-537.
19. Savickas, M., & Porfeli, E. (2012). Career adapt-abilities scale: Construction, reliability, and measurement equivalence across 13 countries. *Journal of Vocational Behavior*, 80(3), 661-673. <https://doi.org/10.1016/j.jvb.2012.01.011>.
20. Schneider, B., & Stevenson, D. (2000). *The ambitious generation: America's teenagers, motivated but directionless*. Yale University Press.
21. Schwartz, S. J. (2001). The evolution of eriksonian and neo-eriksonian identity theory and research: A review and integration. *Identity: An International Journal of Theory and Research*, 1(1), 7-58. https://doi.org/10.1207/S1532706XID0101_02.
22. Schwartz, S. J., Coté, J. E., & Arnett, J. J. (2013). Identity and agency in emerging adulthood: Reviewing the field and looking forward. *Emerging Adulthood*, 1(2), 96-113.
23. Seginer, R. (2009). *Future orientation: Developmental and ecological perspective*. Springer.
24. Sugimura, K., Hihara, S., Hatano, K., & Crocetti, E. (2023). Adolescents' identity development predicts the transition and the adjustment to tertiary education or work. *Journal of Youth and Adolescence*, 52(11), 2344-2356. <https://doi.org/10.1007/s10964-023-01838-y>.
25. Trommsdorff, G. (1983). Future orientation. *Human Development*, 26(6), 253-257.
26. Vignoles, V. L., & Smith, P. B. (2019). The importance of self-identity in well-being. *Journal of Happiness Studies*, 20(3), 867-889.
27. Wang, L. (2019). *Identity formation and its impact on mental health in college students*. [Doctoral dissertation, Beijing Normal University].
28. Zhang, J. W., & Howell, R. T. (2011). Do time perspectives predict unique variance in life satisfaction beyond personality traits? *Personality and Individual Differences*, 50(8), 1261-1266. <https://doi.org/10.1016/j.paid.2011.02.021>.